

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST

Ngày: 19-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hải;
2. Ông Hoàng Văn Tường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn C**, sinh năm 1976 tại huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: không; con ông: Phạm Văn B và bà Phạm Thị D; vợ: Phạm Thị T, con: 02 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2009; bị cáo đang tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Văn D**, sinh năm 1990 tại huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: không; con ông: Phạm Văn V và bà Phạm Thị T1; vợ: Phạm Thị S, con: 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; bị cáo đang tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C: Ông Nguyễn Chí K, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, là người bào

chữa cho bị cáo Phạm Văn C, theo Quyết định số 236/QĐ-TGPL ngày 13/8/2019 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn D: Ông Nguyễn Trần Đ, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, là người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn D, theo Quyết định số 237/QĐ-TGPL ngày 13/8/2019 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện hợp pháp cho bị hại ông Phạm Văn S (đã chết): Phạm Thị C1, sinh năm 1979 (vợ của bị hại), Phạm Văn L, sinh năm 1943 (cha của bị hại), Phạm Văn H, sinh năm 1998 (con của bị hại). Ông L đã ủy quyền bà C1 tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 26/8/2019

Cùng nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Văn P, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Phạm Văn H, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người làm chứng:

- Anh Đặng Hữu T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Mai Thị Thùy D, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người phiên dịch: Ông Phạm Văn T, Công tác tại Ủy ban nhân dân thị trấn B (phiên dịch tiếng Hre cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa).

Bị cáo và đại diện hợp pháp cho bị hại, ông Phạm Văn P có mặt tại phiên tòa, hai người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 20/3/2019, tại đoạn đường km 39+900, Quốc lộ 24 thuộc thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, Phạm Văn D điều khiển xe ô tô biển kiểm soát (BKS) 76C-XXX.67 cùng chủ xe là Phạm Văn P xảy ra va chạm với mô tô BKS 76K1-XXX.57 do Phạm Văn C điều khiển phía sau chở Phạm Văn S. Hậu quả: Phạm Văn S và Phạm Văn C bị thương nặng và được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện B, sau đó chuyển xuống bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, đến ngày 25/3/2019, ông Phạm Văn S tử vong.

Kết luận giám định số 404/KLGD-PC09, ngày 28/03/2019, kết luận nguyên nhân tử vong của Phạm Văn S: Đa thương tích, chấn thương sọ não, rạn nứt xương hộp sọ, xuất huyết não dẫn đến chết.

Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường ngày 20/3/2019 cho thấy:

Hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ xảy ra tại km 39+900, Quốc lộ 24, thuộc thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Trục đường nơi xảy ra tai nạn chạy theo hướng Tây Nam – Đông Bắc (đi từ xã T đi xã D), đoạn đường trồng, hơi cua, không bị che khuất tầm nhìn, Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn, lòng đường được thảm nhựa rộng 5,90m, phía Tây Bắc có lề đường cấp phối (lề cỏ) rộng 1,2m.

Trên hiện trường tại vị trí xảy ra vụ tai nạn phát hiện ô tô BKS 76C-XXX.67 đang trong trạng thái đứng yên, đầu xe quay về hướng Tây Nam, đuôi xe quay về hướng Đông Bắc. Trục trước bên phụ (bên phải) cách mép đường Tây Bắc về Đông Nam 2,95m và cách trụ viễn thông ký hiệu VIETTEL 8AR65 nằm phía Tây về Đông 33,80m, trục sau ô tô bên phụ (bên phải) cách mép Tây Bắc về Đông Nam 2,60m. Từ trục bánh phía trước xe ô tô BKS 76C-XXX.67 cách 1,95m về hướng Tây Bắc là trục bánh sau xe mô tô BKS 76K1-XXX.57, xe mô tô nằm ngã nghiêng về bên trái, đầu xe quay về hướng Nam, đuôi xe quay về hướng Bắc, trục bánh trước rơi ra khỏi xe và cách mép đường Tây Bắc về Đông Nam 2,50m, trục bánh sau xe mô tô cách mép đường Tây Bắc về Đông Nam 1,40m.

Phía trước bánh xe ô tô bên phụ (bên phải) phát hiện một vùng lá trầu nằm rải dọc theo chiều từ Đông về Tây trong một vùng kích thước 3,30mx1,10m (được đánh dấu V1). Đầu phía Đông V1 cách trục bánh sau xe ô tô bên phụ (bên phải) về hướng Tây 0,54m và cách mép đường Tây Bắc về Đông Nam 2,45m.

Từ trục bánh sau bên phụ (bên phải) xe ô tô BKS 76C-XXX.67 cách 1,90m về hướng Tây Nam phát hiện vết cày xước mặt đường nhựa không liên tục theo chiều từ Đông Bắc về Đông Nam kích thước 2,60mx0,22m (được đánh dấu V2) có hướng cày đùa bụi đá từ Đông Bắc về Tây Nam, đầu Đông Bắc cách mép đường Tây Bắc về Đông Nam 2,56m. Đầu Tây Nam V2 cách mép đường Tây Bắc về Đông Nam 1,80m.

Từ đầu Đông Bắc V2 cách 0,76m về hướng Tây phát hiện một dấu vết cày xước mặt đường nhựa không liên tục kéo dài về Tây Nam kích thước 1,55m x 0,1m (được đánh dấu là V3). V3 có hướng cày đùa bụi đá từ Đông Bắc về Tây Nam. Đầu Đông Bắc cách mép đường Tây Bắc về Đông Nam 2,10m, đầu Tây Nam V3 cách mép đường Tây Bắc về Đông Nam 1,55m.

Tại điểm tiếp giáp của bánh sau phía ngoài bên phụ (tiếp giáp với mặt đường) phát hiện có vết chà màu đen kéo dài về hướng Tây Nam trong một diện kích thước 0,4m x 0,17m, vết chà có hướng chà đùa từ Đông Bắc về Tây Nam, đầu Tây Nam của vết chà hơi cong về phía Nam và cách mép đường Tây Bắc về Đông Nam 2,55m.

Phía sau điểm tiếp giáp với mặt đường của 02 bánh sau bên phụ (bên phải) xe ô tô phát hiện có 02 vết chà màu đen song song với nhau kéo dài về phía Đông Bắc, khoảng cách 02 vết chà là 0,13m, kích thước 02 vết chà bằng nhau có kích thước 0,12m x 0,80m có hướng chà đùa Đông Bắc về Tây Nam. Điểm tiếp giáp 02 bánh

sau bên tài (bên trái) phát hiện 02 vết chà màu đen song song với nhau kéo dài về hướng Đông Bắc, khoảng cách của 02 vết chà 0,14m, kích thước của 02 vết chà bằng nhau có kích thước 16,30m x 0,14m, vết chà có hình cong và có hướng chà đũa không liên tục theo chiều từ Đông Bắc về Tây Nam. Đầu vết chà Đông Bắc cách mép đường Tây Bắc về Đông Nam 3,50m.

Từ đầu Đông Bắc V1 cách 1,8m về hướng Tây Bắc phát hiện 01 vết loang màu nâu đỏ trong diện tích kích thước 0,38 x 0,5m (được đánh dấu là V4), tâm V4 cách mép đường Tây Bắc về Đông Nam 0,80m. Từ tâm V4 cách 2m về hướng Tây Nam phát hiện 01 vết loang màu nâu đỏ trong một diện tích kích thước 0,50m x 0,24m và cách mép đường Tây Bắc về Đông Nam 1,15m (được đánh dấu V5).

Dấu vết V2, V3 là do trục gác chân trước và gác chân sau bên trái của xe mô tô BKS 76K1- 074.57 tạo nên.

Biên bản khám nghiệm xe ô tô BKS 76C-XXX.67 ngày 20/3/2019 thấy: Cụm đèn phía trước bên phải (bên phụ) bị vỡ trong diện tích kích thước (32 x 30)cm; Ốp nhựa bao quanh cụm đèn phía trước bên phải (bên phụ) bị bung hở; Tại giá, chắn đà (ba đờ sóc) bên phải (bên phụ) bị biến dạng lõm vào trong theo chiều từ trước về sau, từ trong ra ngoài trong diện tích kích thước (28 x 18)cm. Trên vết lõm có nhiều vết cày xước, bung tróc sơn để lộ sắt xi theo chiều từ trước về sau, trong diện tích kích thước (18 x 23) cm; Ốp nhựa chắn bùn phía trước cửa bên phải (bên phụ) bị vỡ trong diện tích kích thước (11 x 7)cm.

Biên bản khám nghiệm xe mô tô BKS 76K1-XXX.57 ngày 20/3/2019 thấy: Phần đầu mặt nạ trước bị biến dạng; Phụộc nhúm trước bị gãy rơi ra ngoài; Kèn bị biến dạng, trên bề mặt có bám dính chất màu xanh nhạt, trong diện tích kích thước (4,8 x 3,6)cm; Ốc lốc máy phía bên trái có vết mài mòn kim loại trong diện tích kích thước (0,8 x 0,4)cm; Cạnh tản nhiệt của lốc máy bên trái có vết mài mòn kim loại trong diện tích kích thước (0,7 x 0,3)cm; Cạnh dưới cần số phía trước có vết mài mòn kim loại trong diện tích kích thước (2,5 x 0,2)cm; Mặt ngoài trục gác chân có vết mài mòn kim loại trong diện tích kích thước (1,4 x 0,4)cm; Mặt dưới trục gác chân bên trái ngay vị trí gấp khúc có vết mài mòn kim loại trong diện tích kích thước (2,2 x 2)cm; Mặt ngoài gác chân sau bên trái có vết mài mòn kim loại trong diện tích kích thước (1,7 x 2,3)cm).

Kết luận giám định số 421/KLGD-PC09, ngày 11/04/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

- Điểm va chạm đầu tiên giữa xe ô tô BKS 76C-XXX.67 với xe mô tô BKS 76K1-XXX.57 là cụm đèn phía trước bên phải đầu xe ô tô BKS 76C-XXX.67 (vị trí cụm đèn và ốp nhựa cụm đèn bị bể vỡ) với nhựa phía trước đầu xe mô tô BKS 76K1-XXX.57 (cụm đèn chiếu sáng phía trước của xe mô tô).

- Vị trí va chạm đầu tiên trên mặt đường giữa xe ô tô BKS 76C-XXX.67 với xe mô tô BKS 76K1-XXX.57 là khu vực đầu phía Đông Bắc dấu vết cày xước mặt đường kí hiệu V2 thuộc khu vực giữa đường Quốc lộ 24.

- Không đủ yếu tố giám định tốc độ vận hành của xe ô tô BKS 76C-XXX.67 tại thời điểm xảy ra tai nạn.

Trên cơ sở đề nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQĐT) về việc đề nghị Sở giao thông vận tải cung cấp thông tin tốc độ xe ô tô BKS 76C-XXX.67, Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi có Công văn số 1734/SGTVT-VTPC, ngày 08/7/2019 trả lời về việc không cung cấp được thông tin do xe ô tô BKS 76C – XXX.67 chưa gắn thiết bị giám sát hành trình.

Kết luận giám định số 1105/SGTVT-KLGD, ngày 06/05/2019, kết luận: Xe ô tô BKS 76C – XXX.67 nhãn hiệu DONGSUN, loại phương tiện ô tô tải (tự đổ), có 02 chỗ ngồi, khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông 12.240kg, sản xuất tại Việt Nam năm 2016. Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có hiệu lực đến hết ngày 23/10/2018; Kiểu loại phù hợp theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Kích thước chiều cao lòng thùng hàng không đúng theo hồ sơ phương tiện, tại hai thành thùng hai bên có gắn thêm khung cao 730mm; Tình trạng kỹ thuật của hệ thống phanh: có đầy đủ chi tiết, đúng vị trí lắp, hoạt động bình thường, không phát hiện hư hỏng; Tình trạng kỹ thuật của hệ thống lái: có đầy đủ các chi tiết, đúng vị trí lắp, hoạt động bình thường, không phát hiện hư hỏng; Tình trạng kỹ thuật của hệ thống treo: có đầy đủ các chi tiết, đúng vị trí lắp, hoạt động bình thường, không phát hiện hư hỏng; Tình trạng kỹ thuật của hệ thống điện, đèn và còi: Còi hoạt động bình thường; cụm đèn chiếu sáng và tín hiệu phía trước bên phải bị vỡ do va chạm trong tai nạn; kính tán xạ của đèn phanh phía sau bên phải bị vỡ; các đèn chiếu sáng và đèn tín hiệu còn lại có đầy đủ, hoạt động bình thường; Gạt nước kính chắn gió phía trước có đầy đủ, hoạt động bình thường; kính chắn gió phía trước bên phải bị vỡ do va chạm trong tai nạn; gương chiếu hậu hai bên xe có đầy đủ, đảm bảo cho phép người lái có thể nhận biết rõ ràng điều kiện giao thông về phía sau và hai bên xe; Lốp xe có đầy đủ, đúng kích cỡ, đảm bảo yêu cầu về lắp đặt và chiều cao hoa lốp.

Kết quả thực nghiệm điều tra: Vị trí va chạm đầu tiên trên mặt đường giữa xe ô tô BKS 76C - XXX.67 với xe mô tô BKS 76K1- XXX.57 là khu vực đầu phía Đông Bắc dấu vết cày xước mặt đường ký hiệu V2 nằm trong khoảng 2,84m đến 2,90m về hướng Tây Bắc, thuộc khu vực giữa đường Quốc lộ 24, thôn M, xã T, huyện B, phù hợp với kết luận giám định số 421/KLGD-PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKSBT, ngày 18/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ truy tố Phạm Văn C tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự; truy tố Phạm Văn D tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung Cáo trạng và trình bày lời luận tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 24 tháng đến 30 tháng tù; đề nghị áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, anh P chủ phương tiện tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 60% yêu cầu của bị hại và bị cáo D không có yêu cầu anh P trả lại số tiền 25.000.000 đồng đã bồi thường và tự nguyện lấy số tiền này cùng anh P bồi thường cho gia đình bị hại; sự tự nguyện và thỏa thuận giữa bị cáo và anh P phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Phạm Văn C phải bồi thường số tiền 40.000.000 đồng, đã bồi thường số tiền 4.500.000 đồng, còn lại phải tiếp tục bồi thường là 35.500.000 đồng. Buộc anh Phạm Văn P bồi thường số tiền 60.000.000 đồng, đã bồi 29.000.000 đồng (trong đó bị cáo D 25.000.000 đồng và anh P 4.000.000 đồng), còn lại phải tiếp tục bồi thường là 31.000.000 đồng.

Về vật chứng là 01 giấy phép lái xe tên Phạm Văn D, trả cho bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 22 đến 30 tháng tù.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn D: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 12 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng, hai bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt mức án thấp nhất.

Người đại diện cho bị hại yêu cầu bồi thường tổng số tiền là 100.000.000 đồng; đã nhận số tiền 33.500.000 đồng; tiếp tục yêu cầu bồi thường số tiền 66.500.000 đồng.

Anh Phạm Văn P: Tự nguyện bồi thường cho bị hại với tỷ lệ 60% trong tổng số tiền yêu cầu của bị hại.

Anh Phạm Văn P và anh Phạm Văn H không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với xe ô tô BKS 76C-XXX.67 và xe mô tô BKS 76K1-XXX.57.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại Phạm Văn S đã chết nên đưa những người hàng thừa kế thứ nhất còn sống vào tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp cho bị hại, gồm ông Phạm Văn L (cha đẻ của bị hại), bà Phạm Thị C1 (vợ bị hại) và anh Phạm Văn H (con trai của bị hại).

Người làm chứng vắng mặt không lý do. Xét thấy quá trình điều tra đã có bản khai nên không gây trở ngại việc xét xử hành vi của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét

xử xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: bị cáo Phạm Văn C không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, trong lúc điều khiển xe mô tô BKS 76K1-XXX.57 đã sử dụng rượu, bia phía sau chở ông Phạm Văn Sluru thông từ hướng xã T đi xã D, đi không đúng làn đường quy định và không đi phía bên phải theo chiều đi của mình. Bị cáo Phạm Văn D đã có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe ô tô BKS 76C-XXX.67 lưu thông từ hướng xã D đi xã T, đi không đúng làn đường quy định, không đi phía bên phải theo chiều đi của mình. Cả hai bị cáo đều đi không đúng làn đường quy định dẫn đến va chạm hai xe với nhau tại vị trí giữa đường Quốc lộ 24 thuộc thôn M, xã T, huyện B, hậu quả làm ông S chết, lỗi hoàn toàn thuộc về hai bị cáo.

Hành vi tham gia giao thông của bị cáo Phạm Văn C đã vi phạm quy định tại khoản 9, khoản 23 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ. Hành vi tham gia giao thông của bị cáo Phạm Văn D đã vi phạm quy định tại khoản 23 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ. Hành vi của hai bị cáo Phạm Văn C và Phạm Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ truy tố bị cáo Phạm Văn C với tội danh theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Phạm Văn D với tội danh theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại cho tính mạng của người khác. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà hai bị cáo đã gây ra.

[4] Xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo:

Về nhân thân: Ngoài hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự nêu trên thì hai bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, hai bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hai bị cáo đều phạm tội lần đầu do vô ý, bị cáo Phạm Văn C thuộc diện hộ cận nghèo, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại với số tiền 4.500.000 đồng, bị cáo Phạm Văn D thuộc diện hộ nghèo, có cha đẻ là bệnh binh, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại với số tiền 25.000.000 đồng, gia đình bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Vì vậy, bị cáo Phạm Văn C và Phạm Văn D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo.

[5] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội, nhân thân hai bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân hai bị cáo bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, hai bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu do vô ý, có nơi cư trú rõ ràng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 02 tình tiết giảm nhẹ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng đối với bị cáo Phạm Văn C do tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Đối với bị cáo Phạm Văn D là lao động chính (vợ bị cáo nuôi con nhỏ sinh năm 2018 và cháu sinh năm 2011 thường xuyên đau ốm), căn cứ theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 của Bộ luật Hình sự xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: bị cáo Phạm Văn D hiện không còn việc làm nào khác để có thu nhập, hoàn cảnh khó khăn (hộ nghèo) nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với Phạm Văn P-chủ sở hữu xe ô tô BKS 76C-XXX.67: Tính đến thời điểm xảy ra tai nạn ngày 20/03/2019, xe ô tô BKS 76C-XXX.67 đã hết thời hạn kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kể từ ngày 23/10/2018. Tuy nhiên, việc Phạm Văn P đưa xe ô tô BKS 76C-XXX.67 vào tham gia giao thông không phải nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông. Vì vậy, Cơ quan CSĐT không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn P về tội *“Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không đảm bảo an toàn”* là có cơ sở. Phạm Văn P có hợp đồng bằng miệng với bị cáo Phạm Văn D về việc thuê Phạm Văn D lái xe. Sau tai nạn, Phạm Văn P đã nhận lại xe ô tô và không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với xe ô tô.

Đối với Phạm Văn H-chủ sở hữu xe mô tô BKS 76K1-XXX.57: Việc Phạm Văn C lấy xe mô tô BKS 76K1-074.57 điều khiển chở Phạm Văn S gây tai nạn

dẫn đến ông S chết thì ông Phạm Văn H không có giao xe cho Phạm Văn C mà do Phạm Văn C tự ý lấy để chở ông Phạm Văn S về nhà tại xã D. Do đó, không có cơ sở xử lý về hành vi giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ đối với anh Phạm Văn H. Sau tai nạn, Phạm Văn H đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với xe mô tô.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện cho bị hại yêu cầu hai bị cáo bồi thường tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Tuy người đại diện cho bị hại không đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình nhưng số tiền yêu cầu bồi thường tương đối phù hợp đồng thời các bị cáo và anh P đã đồng ý việc bồi thường cho bị hại số tiền trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị cáo C và bị cáo D đều có lỗi bằng nhau. Tuy nhiên bị cáo D chỉ lái xe thuê cho anh Phạm Văn P, anh P là chủ phương tiện xe ô tô BKS 76C-XXX.67, căn cứ theo quy định tại Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2015 “*bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra*” thì chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường. Do đó, anh Phạm Văn P tuy không có lỗi nhưng phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh P tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 60% yêu cầu của bị hại và bị cáo D không có yêu cầu anh P trả lại số tiền 25.000.000 đồng đã bồi thường và tự nguyện lấy số tiền này cùng anh P bồi thường cho gia đình bị hại; sự tự nguyện và thỏa thuận giữa bị cáo và anh P phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo Phạm Văn C phải bồi thường số tiền 40.000.000 đồng đã bồi thường số tiền 4.500.000 đồng, còn lại phải tiếp tục bồi thường là 35.500.000 đồng.

Anh Phạm Văn P bồi thường số tiền 60.000.000 đồng, đã bồi thường 29.000.000 đồng (trong đó bị cáo D 25.000.000 đồng và anh P 4.000.000 đồng), còn lại phải tiếp tục bồi thường là 31.000.000 đồng.

[9] Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo D 01 (một) giấy phép lái xe số 510177003XXX do Sở Giao thông vận tải Quảng Ngãi cấp ngày 31/3/2017 mang tên Phạm Văn D.

[10] Về án phí: Xét bị cáo Phạm Văn C là hộ cận nghèo và bị cáo Phạm Văn D là hộ nghèo, anh Phạm Văn P là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo và anh P có đơn xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì các bị cáo và anh P thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Căn cứ các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn C 03 năm tù (ba năm tù), thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn D 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 19/11/2019).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án hình sự 2010.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 587, 591 và Điều 601, khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phạm Văn C bồi thường cho bà Phạm Thị C1, ông Phạm Văn L, anh Phạm Văn H, số tiền 35.500.000 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Buộc anh Phạm Văn P bồi thường cho bà Phạm Thị C1, ông Phạm Văn L, anh Phạm Văn H, số tiền 31.000.000 đồng (ba mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho Phạm Văn D: 01 (một) giấy phép lái xe số 510177003XXX do Sở Giao thông vận tải Quảng Ngãi cấp ngày 31/3/2017 mang tên Phạm Văn D.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tư theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tư và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tư ngày 22/10/2019)

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Phạm Văn C; bị cáo Phạm Văn D; anh Phạm Văn P được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/11/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THA DS huyện Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ (Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Huy